

## TẬP TRUNG THẢO GIỮ NHỮNG VƯỜN MẮC TRONG PHÁT TRIỂN CHUỖI LIÊN KẾT CÓ NGUỒN GỐC ĐỘNG VẬT

Hà Nội có diện tích đất tự nhiên 3.345 km<sup>2</sup>, với dân số khoảng 10 triệu người đang cư trú và công tác, học tập. Năm 2017 tổng giá trị sản xuất nông lâm, thủy sản ước đạt 35.133 tỷ đồng tăng 2.33% so với năm 2016. Về cơ cấu giá trị sản xuất trồng trọt, lâm nghiệp 44,4%; chăn nuôi, thủy sản 52,56%; dịch vụ 3,04%. Giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố đến nay đạt 25%, trong đó trồng trọt đạt 17,9%, chăn nuôi 33,5%, thủy sản 12%.

Những năm qua, với sự cố gắng nỗ lực của các cấp, các ngành trong việc triển khai phát triển chuỗi liên kết để phát triển ngành chăn nuôi một cách bền vững, hiệu quả, một số kết quả được ghi nhận đó là thực hiện chương trình phát triển chăn nuôi theo vùng, xã trọng điểm, chăn nuôi quy mô lớn ngoài khu dân cư. Kết quả đã hình thành rõ nét 76 xã chăn nuôi trọng điểm và 3.941 trại quy mô lớn ngoài khu dân cư, 25 vùng nuôi trồng thủy sản tập trung. Đến nay, ngành Nông nghiệp & PTNT đã xây dựng và phát triển được 65 chuỗi liên kết an toàn thực phẩm từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm trong đó có 27 chuỗi có nguồn gốc động vật. Điển hình về công tác phát triển chuỗi có nguồn gốc động vật đó là sản xuất, tiêu thụ sản phẩm có nguồn gốc động vật được xây dựng và phát triển theo 2 hình thức.

**Mô hình chuỗi khép kín:** Lấy doanh nghiệp làm trọng tâm, chuỗi khép kín do doanh nghiệp làm đầu mỗi chủ động các khâu từ sản xuất giống, sản xuất thức ăn chăn nuôi, tổ chức chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, tiêu thụ sản phẩm. Một số mô hình chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi khép kín hoạt động có hiệu quả như chuỗi thực phẩm AZ (HTX Hoàng Long là đơn vị quản lý), chuỗi trứng gà Tiên Viên, chuỗi trứng 729; chuỗi thịt lợn hữu cơ Bảo Châu,...

**Mô hình chuỗi liên kết:** Lấy các tổ chức nông dân tại các vùng chăn nuôi tập trung, các xã chăn nuôi trọng điểm của thành phố làm trọng tâm, từ đó lựa chọn, giới thiệu các doanh nghiệp cung cấp

dịch vụ đầu vào cũng như doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm để tạo thành chuỗi từ chăn nuôi đến tiêu thụ sản phẩm. Một số mô hình chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi có liên kết các tác nhân từ chăn nuôi - giết mổ - tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi hoạt động có hiệu quả. Điển hình như chuỗi gà Mía Sơn Tây, chuỗi gà đồi Sóc Sơn, chuỗi gà đồi Ba Vì, chuỗi thực phẩm Vinh Anh, chuỗi thực phẩm Nam Hà Nội ,...

Phát triển ổn định 23 mô hình chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm có nguồn gốc động vật. Các chuỗi đã bước đầu hoàn thiện với đầy đủ các nhóm tác nhân liên kết hợp tác trên cơ sở hợp đồng quy định rõ ràng quyền lợi, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết; Hồ sơ pháp lý cho các chuỗi đã cơ bản được hoàn thiện (Giấy chứng nhận ATTP đối với cơ sở giết mổ, cơ sở sơ chế đóng gói; Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP cho các sản phẩm của các chuỗi...); Có 20/23 chuỗi sản xuất và cung cấp sản phẩm chăn nuôi đã hoàn thiện nhãn hiệu và bộ nhận diện thương hiệu. Đặc biệt, đã có 09 nhãn hiệu được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp bằng bảo hộ, trong đó có 5 nhãn hiệu được cấp bằng bảo hộ "Nhãn hiệu tập thể" (như Gà đồi Ba Vì, Gà Mía Sơn Tây, Gà đồi Sóc Sơn, Vịt Vân Đình và Trứng vịt Liên Châu); Xây dựng thêm được trên 20 cửa hàng, điểm bán và giới thiệu các sản phẩm của chuỗi trên địa bàn thành phố, tập trung chủ yếu tại các quận nội thành. Đến nay, hàng ngày các chuỗi đang cung cấp cho thị trường khoảng 13 tấn thịt gia cầm; 26 tấn thịt lợn; 1,5 tấn thịt bò; 282 nghìn quả trứng; 78 tấn sữa.

Có thể nói việc xây dựng chuỗi liên kết trên địa bàn thành phố đã mang lại hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội đáng ghi nhận. Về hiệu quả kinh tế, qua việc liên kết các hộ chăn nuôi, trồng trọt thành các tổ chức nông dân như Hội chăn nuôi - tiêu thụ, Hợp tác xã... đã tổ chức thành công hoạt động mua chung dịch vụ đầu vào nên đã giảm được một số chi phí như thức ăn, thuốc thú y, con giống. Việc

tạo ra sản phẩm an toàn thực phẩm được quản lý, sản xuất theo quy trình rõ ràng, minh bạch và được tuyên truyền rộng rãi từ đó người tiêu dùng yên tâm về chất lượng sản phẩm giúp gia tăng giá trị sản phẩm (gia tăng giá trị sản phẩm từ 15 - 20% so với sản phẩm khi chưa được sản xuất theo chuỗi) và mở rộng thị trường, nhiều chuỗi đã thiết lập được hệ thống các đại lý, nhà phân phối, cửa hàng tiện ích trên địa bàn cả nước. Về hiệu quả xã hội, bước đầu đã tạo ra các sản phẩm nông sản thực phẩm an toàn thực phẩm được kiểm soát chất lượng ở tất cả các khâu; Giúp các tác nhân sản xuất nâng cao ý thức sản xuất đảm bảo an toàn, có trách nhiệm đối với người sử dụng...

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, việc xây dựng liên kết chuỗi đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật cũng gặp không ít vướng mắc, khó khăn. Đó là sản xuất nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ, phân tán, việc tích tụ ruộng đất còn nhiều khó khăn; Các Hợp tác xã nông nghiệp vẫn hoạt động theo phương thức truyền thống, vẫn trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Vì vậy chưa quan tâm nhiều đến việc liên kết phát triển theo chuỗi đảm bảo an toàn thực phẩm, áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn được quy định như VietGAP, chăn nuôi an toàn dịch bệnh,...

Còn thiếu các chính sách khuyến khích phát triển chuỗi, đặc biệt trong khâu hỗ trợ tiêu thụ, hỗ trợ bảo quản sản phẩm, vận chuyển sản phẩm đông lạnh... nên chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp lớn tham gia liên kết chuỗi. Chưa có quy định về thông tin (tem, mã,...) đối với thực phẩm tươi sống bán lẻ để truy xuất nguồn gốc xuất xứ dẫn đến cạnh tranh không công bằng và người tiêu dùng khó phân biệt. Nhiều địa phương chưa tập trung chỉ đạo quyết liệt việc triển khai thực hiện liên kết sản xuất; Tỷ lệ nông sản hàng hóa được tiêu thụ thông qua hợp đồng còn thấp. Việc ký kết hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản còn nhiều hạn chế, chưa chặt chẽ, doanh nghiệp, hộ nông dân chưa thực sự gắn bó và thực hiện đúng cam kết đã ký; Chưa có các mô hình liên kết quy mô lớn, mang lại hiệu quả cao. Còn thiếu các doanh nghiệp chế biến sâu các sản phẩm nông nghiệp, nên chưa đa dạng hóa được sản phẩm, chưa tạo ra được nhiều giá trị gia tăng cho sản

phẩm nông sản thực phẩm. Giá cả các sản phẩm nông sản không ổn định, việc liên kết sản xuất chưa theo quy luật thị trường, còn tình trạng sản xuất ồ ạt chưa đúng quy hoạch dẫn đến tình trạng "được mùa mất giá". Thói quen sử dụng thịt mát, thịt cấp đông của đa số người tiêu dùng vẫn chưa được cải thiện. Phần đông người tiêu dùng vẫn có thói quen sử dụng thịt nóng nên đã cản trở sự phát triển của hệ thống cửa hàng tiện ích chuyên bán và giới thiệu các sản phẩm chăn nuôi. Trách nhiệm kiểm soát ATTP ở một số địa phương còn hạn chế, phối hợp với cơ quan chuyên môn chưa chặt chẽ trong phát hiện và xử lý vi phạm. Công tác kiểm tra, xử lý chưa nghiêm; ý thức người sản xuất, kinh doanh còn thấp nên chưa thúc đẩy cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm an toàn phát triển.

Trong thời gian tới, người tiêu dùng thành phố ngày càng đòi hỏi cao hơn về chất lượng các sản phẩm thực phẩm nông, lâm, thủy sản, yêu cầu sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, thông tin về sản phẩm từ cơ sở chăn nuôi, sơ chế, chế biến đến phân phối tiêu thụ cần được minh bạch. Vì vậy, việc phát triển và tiêu thụ nông sản theo chuỗi là xu hướng tất yếu của ngành chăn nuôi trên địa bàn thành phố.

Giải pháp cơ bản khắc phục phát triển chuỗi liên kết sản xuất có nguồn gốc động vật trong thời gian tới đó là ngành Nông nghiệp sẽ tập trung tham mưu để thành phố có cơ chế chính sách đặc thù để hỗ trợ xây dựng chuỗi. Các chính sách phải được tập trung đều ở các khâu sản xuất, sơ chế, chế biến và thương mại, tiêu thụ sản phẩm để động viên, khuyến khích kịp thời cho các tác nhân tham gia phát triển chuỗi. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, xúc tiến thương mại, phát triển thương hiệu, định hướng tiêu dùng nhằm tạo đầu ra ổn định cho các sản phẩm của các chuỗi.

Phát triển việc hỗ trợ ứng dụng phần mềm hệ thống thông tin điện tử sử dụng mã QR truy xuất nguồn gốc đảm bảo an toàn thực phẩm tập trung tại các cơ sở sản xuất, hợp tác xã, trang trại, cơ sở giết mổ tập trung, cơ sở sơ chế, chế biến quy mô lớn, các chuỗi sản xuất, cửa hàng chuyên doanh, siêu thị, chợ đầu mối. Phấn đấu đến năm 2020 đảm bảo 100% chuỗi sản xuất, cung ứng nông sản thực phẩm an toàn trên địa bàn thành

phổ ứng dụng hệ thống thông tin điện tử sử dụng mã QR truy xuất nguồn gốc, minh bạch thông tin đến người tiêu dùng. Tăng tỷ lệ truy xuất nguồn gốc ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh quy mô nhỏ, chợ bán lẻ đạt từ 30% - 50%. Hỗ trợ thông tin, truyền thông về các sản phẩm của chuỗi liên kết nhằm thúc đẩy người tiêu dùng. Tăng cường các hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra và xử phạt nghiêm các trường hợp vi phạm an toàn thực

phẩm để tạo môi trường cạnh tranh công bằng cho các sản phẩm của chuỗi liên kết.

Với những giải pháp trên cùng sự đồng thuận cao của người chăn nuôi, người tiêu dùng, những vướng mắc trong việc triển khai thực hiện liên kết chuỗi có nguồn gốc động vật sẽ được tháo gỡ góp phần đảm bảo ATTP cho người dân Thủ Đô./.

**Nguyễn Ngọc Sơn**

## **TỔ CHỨC LIÊN HOAN VĂN NGHỆ CNVCLĐ NGÀNH NÔNG NGHIỆP & PTNT HÀ NỘI LẦN THỨ V**

Chào mừng 70 năm ngày Bác Hồ ra lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 – 11/6/2018) và 10 năm thực hiện Nghị quyết 15 của Quốc hội (1/8/2008 – 1/8/2018), Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội, Công đoàn ngành Nông nghiệp & PTNT Hà Nội đã xây dựng kế hoạch tổ chức Liên hoan văn nghệ ngành Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2018.

Liên hoan năm nay sẽ có chủ đề: Công nhân viên chức lao động (CNVCLĐ) ngành Nông nghiệp & PTNT Hà Nội thi đua chào mừng kỷ niệm 70 năm ngày Chủ tịch ra lời kêu gọi thi đua ái quốc; Chào mừng kỷ niệm 10 năm thực hiện Nghị quyết số 15 của Quốc hội (khóa XII) về mở rộng địa giới hành chính Thủ đô; Chào mừng 64 năm ngày thành lập

Sở Canh nông Hà Nội (30/11/1954 - 30/11/2018).

Thể loại ca, múa, nhạc với nội dung, chủ đề thể hiện ca ngợi tổ quốc, ca ngợi Đảng; Bác Hồ; ca ngợi Thủ đô ngàn năm văn hiến; ca ngợi người lao động ngành Nông nghiệp & PTNT, giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn Việt Nam,... Liên hoan dự kiến sẽ diễn ra vào ngày 20/7/2018.

Đây là đợt sinh hoạt văn nghệ quần chúng rộng rãi thu hút đông đảo CNVCLĐ nhằm góp phần xây dựng đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, động viên CNVCLĐ phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế - xã hội của từng đơn vị, của ngành và thành phố năm 2018./.

**Lưu Phương**

## **CỤM THI ĐUA SỐ 2 TỔ CHỨC SƠ KẾT CÔNG TÁC THI ĐUA KHEN THƯỞNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**



*Đ/c Nguyễn Xuân Đại, PGĐ Sở NN & PTNT  
phát biểu chỉ đạo hội nghị*

Để đánh giá công tác thi đua khen thưởng 6 tháng đầu năm, đề ra phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm và cả năm 2018, Cụm thi đua khen thưởng số 2 – Ngành Nông nghiệp & PTNT Hà Nội

đã tổ chức Hội nghị sơ kết công tác thi đua khen thưởng 6 tháng đầu năm 2018.

Ngay từ đầu năm, các đơn vị trong Cụm đã tích cực chủ động xây dựng và tổ chức phát động phong trào thi đua rộng khắp tới 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị trong Cụm. Do làm tốt công tác tuyên truyền, phong trào thi đua đã động viên khích lệ toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tích cực tham gia phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, góp phần vào hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao trong 6 tháng đầu năm 2018 của mỗi đơn vị.

Các đơn vị trong Cụm thi đua số 2 đã thực

hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấp hành nghiêm các nội quy, quy chế cơ quan, đồng thời huy động cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của đơn vị mình tham gia có hiệu quả công tác đảm bảo trật tự đô thị, xây dựng nếp sống văn minh và giữ gìn môi trường, trụ sở cơ quan “văn hóa, xanh - sạch - đẹp”. Đồng thời tổ chức thực hiện tốt các phong trào như: Phong trào chấp hành Luật an toàn giao thông; phong trào văn hóa công sở - văn hóa ứng xử, xây dựng nếp sống văn hóa, thái độ văn minh, lịch sự trong đơn vị; phong trào không khói thuốc, không tệ nạn xã hội. Cùng với đó, công tác bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi làm việc, nơi công cộng, xây dựng nếp sống văn hóa, thái độ ứng xử văn minh, lịch sự tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh trong các đơn vị.

Trong 6 tháng cuối năm 2018, Cụm thi đua số 2 tiếp tục triển khai kịp thời các văn bản của Trung ương và thành phố về công tác thi đua, khen thưởng; củng cố nâng cao chất lượng bộ máy, chất lượng của cán bộ làm công tác thi đua khen thưởng. Đồng thời tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước tới các đơn vị trong Cụm. Khuyến khích các tập thể cá nhân có phát minh sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tế. Bên cạnh đó, phát động phong trào thi đua 6 tháng cuối năm 2018 với nội dung “Thi đua nước rút, hoàn thành vượt mức nhiệm vụ kinh tế - xã hội của Ngành và của Thành phố năm 2018”./.

**Ngọc Bích**

## **HỘI NGHỊ THAM QUAN, TỔNG KẾT MÔ HÌNH MÁY CẮY LÚA NĂM 2018**



Trung tâm Khuyến nông Hà Nội, Trạm Khuyến nông huyện Ứng Hòa vừa tổ chức hội nghị tham quan, tổng kết mô hình máy cấy lúa năm 2018 tại xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa.

Huyện Ứng Hòa là huyện có diện tích cấy lúa lớn nhất thành phố với diện tích cấy lúa mỗi vụ gần 1.000 ha. Tuy nhiên, việc ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa còn mang tính tự phát, thiếu đồng bộ và còn nhiều hạn chế. Hiện tại mới tập trung chủ yếu ở khâu làm đất, thu hoạch còn khâu gieo cấy, chăm sóc, bảo quản chưa được quan tâm đầu tư nên hiệu quả còn thấp.

Năm 2018, được sự quan tâm chỉ đạo của Trung tâm Khuyến nông Hà Nội, Trạm Khuyến nông huyện Ứng Hòa đã triển khai mô hình hỗ trợ mua máy cấy lúa với quy mô 02 máy cấy 6 hàng

hãng Kubota (Nhật Bản). Hai hộ nhận được hỗ trợ từ mô hình là ông Chu Văn Hùng (xã Minh Đức) và hộ ông Lê Văn Bình (xã Phương Tú). Mỗi hộ được hỗ trợ 50%, không quá 75 triệu đồng/máy. Các hộ tham gia mô hình phải cam kết không chuyển nhượng máy trong 2 năm đầu sử dụng.

Qua tiếp nhận và đưa vào sử dụng, máy hoạt động tốt, năng suất đạt 3 - 3,5 ha/ngày. Mô hình đã thay đổi phương thức sản xuất của người nông dân, góp phần giải phóng sức lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế cho chủ máy và người sản xuất. Đồng thời, khuyến khích nông dân tích tụ ruộng đất sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa.

Ông Nguyễn Đăng Khôi - Phó trưởng phòng kinh tế huyện Ứng Hòa cho biết: Để thúc đẩy áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất lúa, thời gian qua huyện Ứng Hòa đã tích cực đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống kênh mương,... bên cạnh đó hỗ trợ nông dân mua máy theo Quyết định 513 của huyện về hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện, theo đó các hộ được hỗ trợ kinh phí 100 triệu đồng/máy. Huyện đang phấn đấu nâng tỷ lệ cơ giới hóa trong khâu cấy máy lên hơn 20% vào năm 2020./.

**Lưu Phương**

## QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT CẢI NGỌT HỮU CƠ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2660/QĐ-SNN ngày 29/12/2017 của Giám đốc Sở NN & PTNT Hà Nội)

(Trích)



### 1. Thời vụ

Cải ngọt có thể gieo trồng quanh năm. Nên áp dụng biện pháp che vòm nilon khi gieo trồng vào mùa mưa.

### 2. Giống

Sử dụng các giống chất lượng cao, có nguồn gốc rõ ràng, được cung ứng từ các cơ sở có uy tín.

Giống cải ngọt địa phương, nhập của Trung Quốc, Thái Lan,...: TG1, cọng xanh Tosakan, VA 67, cải ngọt cao sản TS01 SIM, Meta, Thiên Hương 033,...

Lượng giống: 300 - 400 gram/sào (khoảng 8 - 10 kg/ha).

### 3. Làm đất

Đất trồng phải đảm bảo đủ điều kiện cho sản xuất rau theo quy định. Lên luống cao trên 30 cm, khoảng cách luống rộng 1,5 m (rãnh đến rãnh), mặt luống rộng tối thiểu 80 cm, để thoát nước. Sau 2 - 3 lứa cho nước ngập luống khoảng 10 ngày và có thể sử dụng máy xới mini làm đất trên mặt luống. Sử dụng vòm che nilon theo luống để tránh điều kiện bất lợi và tạo môi trường không thuận lợi cho sinh vật gây hại.

### 4. Gieo trồng

Gieo hạt nhiều lượt để hạt phân bố đều trên mặt luống (khi gieo nên trộn hạt với đất bột), không để hạt giống tiếp xúc với phân bón. Nên sử dụng máy gieo hạt và công cụ gieo hạt thủ công giúp đảm bảo mật độ, giảm chi phí.

Gieo hạt xong cào nhẹ hoặc dùng tay xoa

nhẹ, đều trên mặt luống và phủ một lớp rơm rạ, trấu mỏng trên mặt luống, sau đó dùng ô doa tưới nước đủ ẩm. Sau khi trồng mỗi ngày tưới đẫm một lần, sau đó 2 - 3 ngày tưới một lần. Tỉa cây khi được 2 - 3 lá thật, để cây với khoảng cách 10 - 12 cm.

### 5. Bón phân

- Liều lượng bón: Có thể lựa chọn các loại phân hữu cơ và liều lượng bón.

Bột đậu tương (hoặc khô đậu tương) 30 - 40 kg/sào/2 lứa (800 - 1.100 kg/ha/2 lứa và ngô bột 10 - 15 kg/sào (300 - 450 kg/ha).

Hoặc phân hữu cơ nguồn gốc động vật xử lý nhiệt (như Fertiplus, Melgert, Nature,...): 20 - 40 kg/sào/2 lứa (550 - 800kg/ha/2 lứa) và ngô bột 10 - 15 kg/sào (300 - 450 kg/ha).

Hoặc phân chuồng ủ hoai mục 300 - 500 kg/sào/2 lứa (8.000 - 12.000 kg/ha/2 lứa) và ngô bột 10 - 15 kg/sào (300 - 450 kg/ha).

Tùy theo cây trồng và lượng bón vụ trước để tăng hoặc giảm lượng đậu tương.

- Phương pháp bón: bón lót 100% khi làm đất (lưu ý không bón trực tiếp vào cây).

Luân canh với cây đậu tương để cải tạo đất. Khi thu hoạch đậu tương tiến hành cày vùi toàn bộ với nơi thuận lợi nguồn nước hoặc ủ với nơi không thuận lợi nguồn nước.

### 6. Tưới nước và chăm sóc

Sử dụng nguồn nước đảm bảo tiêu chuẩn theo đúng quy định. Tưới nước đủ ẩm từ sau khi trồng đến khi thu hoạch. Tiêu nước kịp thời khi ngập úng. Áp dụng biện pháp tưới rãnh hoặc tưới phun.

Tỉa cây khi cây được 2 - 3 lá thật (sau gieo 7 - 10 ngày), để cây với khoảng cách 10 - 12 cm.

Kết hợp làm cỏ và cắt tỉa lá già, loại bỏ cây bệnh, lá bệnh tạo cho ruộng rau thông thoáng, hạn chế sâu bệnh.

### 7. Phòng trừ sâu bệnh

Các đối tượng sâu bệnh hại chính: sâu khoang,

sâu xanh bướm trắng, bọ nhày, bệnh thối nhũn.

#### **a) Biện pháp canh tác, thủ công:**

Ngâm nước ngập luống khoảng 10 ngày để hạn chế bọ nhày và sâu bệnh trong đất.

Sử dụng phân chuồng hoai mục ủ phối trộn cùng chế phẩm nấm *Trichoderma* để bón nhằm hạn chế nấm bệnh gây hại.

Trồng xen hai đến nhiều loại rau, luân canh với các loại rau khác họ trên cùng diện tích đất trồng. Vệ sinh đồng ruộng, dọn sạch cỏ dại, tàn dư cây trồng, ngắt bỏ lá bị bệnh hại, ngắt ổ trứng, bắt giết sâu non; sử dụng các chế phẩm sinh học EMINA, BIOEM, EM,... để ủ hoặc nuôi giun để xử lý.

Tạo môi trường thuận lợi cho thiên địch phát triển, dẫn dụ hoặc xua đuổi côn trùng gây hại như: Trồng các loài hoa cúc, hướng dương, soi nhái, sen cạn, ba lá, linh lăng, húng, bạc hà, hành, tỏi, xả, gừng,... trồng xen vào các luống rau hoặc đầu luống rau.

Bẫy chua ngọt trừ trưởng thành sâu khoang:

Cách làm bẫy: 4 phần mật (đường), 4 phần dấm, 1 phần rượu, 1 phần nước, 1 gói Regent 800WG (1gram) khuấy kỹ. Chứa vào xô nhựa, can nhựa đậy kín, sau 3 - 4 ngày bốc mùi chua ngọt thì đem ra sử dụng. Vật liệu đựng bẫy: làm bằng hộp nhựa, chai nhựa (đường kính, chiều cao, thể tích phù hợp thực tế) trên thành hộp đục các lỗ tròn có đường kính 2 - 3 cm.

Sử dụng: 0,1 - 0,15 lít/hộp, 3 - 5 bẫy/sào hoặc có thể sử dụng bụi nhùi bằng rơm nhúng bã sau đó cắm trên ruộng.

Sử dụng bẫy dính màu vàng để thu hút trưởng thành bọ nhày.

Cách làm và sử dụng bẫy: dùng một mặt phẳng màu vàng có kích thước 50 x 30 cm, quét chất bám dính (dầu dính côn trùng hoặc nhựa thông,...) lên hai mặt. Treo bẫy vào cọc sau đó cắm trên ruộng rau với khoảng cách 10 mét 1 bẫy và cách mặt luống từ 15 - 20 cm. Thời gian thay bẫy hoặc quét thêm chất bám dính tùy thuộc vào điều kiện thời tiết, mật độ sâu đã dính vào bẫy, trung bình 3 - 5 ngày quét thêm chất bám dính, 20 ngày thay bẫy mới.

Khuyến khích sử dụng các chế phẩm tự nhiên từ gừng, tỏi, gừng (Vật liệu gồm: Gừng, tỏi, gừng, đường đỏ; cách làm: Thái mỏng gừng, tỏi và để

riêng từng lọ, cho rượu trắng vào từng lọ theo tỷ lệ 1 kg vật liệu/1 lít rượu; sau 12 giờ thêm vào một lượng đường đỏ theo tỷ lệ (1:0,3) 1 kg vật liệu ban đầu /0,3 kg đường, trộn đều, đậy kín bằng giấy bản để 5 ngày. Sau 5 ngày, tiếp tục thêm một lượng rượu trắng theo tỷ lệ 1 kg vật liệu ban đầu/5 lít rượu (1:5) để 15 ngày, tách riêng phần chất lỏng và bã; giữ phần chất lỏng trong lọ kín để ở nơi bóng mát, làm vật liệu nguyên chất pha loãng dùng dần: 1 chén rượu gừng + 1 chén rượu tỏi + 8 lít nước).

#### **b) Biện pháp sử dụng thuốc BVTV:**

Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện sớm bệnh, điều tra phát dục sâu hại, dự tính thời gian trưởng thành, sâu non rộ; dự báo mức độ bệnh hại để hướng dẫn phòng trừ đúng thời điểm, sử dụng thuốc BVTV sinh học, thảo mộc có thời gian cách ly ngắn khi mật độ sâu, tỷ lệ bệnh cao, không thể khống chế bằng biện pháp thủ công. Cụ thể như sau:

Xử lý các loại thuốc khi mật độ: sâu khoang: > 5 con/m<sup>2</sup>; sâu xanh bướm trắng: > 6 con/m<sup>2</sup>; bọ nhày: > 20 con/m<sup>2</sup>; tỷ lệ bệnh thối nhũn: > 10% số cây.

Bọ nhày: Xử lý bằng các hoạt chất như Matriner (Sokupi 0.36AS, Sakumec 0.36EC, 0.5EC,.....).

Sâu xanh bướm trắng, sâu khoang: xử lý bằng các hoạt chất *Bacillus thuringiensis* (Delfin WG, An huy WP, Biocin 16 WP, 8000 SC, Comazol WP), Matriner (Sokupi 0.36AS, Agri-one 1SL, Aphophis 5EC, 10EC), Rotenone (Newfatoc 50WP, 50SL, 75WP, 75SL,...), Polyphenol chiết xuất từ bồ kết, hy thiêm, đơn buốt, cúc liên chi dại (Anisaf SH-01 2SL),...

+ Bệnh thối nhũn: Xử lý bằng các loại thuốc có hoạt chất tổ hợp dầu thực vật (TP - ZEP, ...), *Trichoderma viride* (Biobus 1.00 WP).

**Chú ý:** Đảm bảo đủ thời gian cách ly đối với từng loại thuốc theo hướng dẫn trên nhãn thuốc.

Sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc "4 đúng". Vỏ bao bì thuốc BVTV sau khi sử dụng phải được thu gom vào đúng nơi quy định.

#### **8. Thu hoạch**

Khi thu hoạch cần loại bỏ các lá gốc, lá bị sâu bệnh, chú ý không để dập nát, bảo quản nơi khô mát, đóng vào bao bì sạch để vận chuyển đến nơi tiêu thụ.../.

**Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội**

# NHÀ NÔNG & DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

## DỰ BÁO THỜI TIẾT 10 NGÀY THÀNH PHỐ HÀ NỘI (TỪ NGÀY 01 ĐẾN NGÀY 10 THÁNG 07 NĂM 2018)

### 1. Xu thế thời tiết 10 ngày:

Từ ngày 01 - 06/7, vùng áp thấp phía tây phát triển và mở rộng về phía đông. Từ ngày 07, khu vực chịu ảnh hưởng bộ phận tăng áp ở phía bắc nén và đẩy rãnh áp thấp dịch xuống phía nam và đẩy dần lên.

### 2. Dự báo chi tiết các yếu tố khí tượng:

Từ ngày 01 - 06: Mây thay đổi, ngày nắng nóng, nắng nóng gay gắt, chiều tối có ngày có mưa rào và dông. Gió tây nam cấp 2.

Từ ngày 07 - 08: Nhiều mây, có mưa rào và

dông rải rác. Gió đông nam cấp 2 - 3.

Từ ngày 09 - 10: Mây thay đổi, ngày nắng, đêm có mưa rào và dông vài nơi. Gió đông nam cấp 2 - 3.

Nhiệt độ trung bình: 29.0 - 30.0°C.

Nhiệt độ cao nhất: 36 - 38°C.

Nhiệt độ thấp nhất: 25 - 27°C.

Lượng mưa phổ biến: 60 - 90mm. Có nơi lớn hơn.

Độ ẩm trung bình: 75 - 80%.

Tổng số giờ nắng: 55 - 60 giờ.

Theo Đài KTTV KVĐB Bắc Bộ

## CÔNG VIỆC NHÀ NÔNG THÁNG 7

### 1. CÂY TRỒNG, BẢO VỆ THỰC VẬT

- Tập trung cấy lúa mùa xong cơ bản trước 5/7, chăm sóc lúa mùa trà sớm, tập trung bón lót, bón thúc sớm (phân đạm bón sau cấy 15 ngày, phân kali sau cấy 35 ngày).

- Chủ động các phương án phòng chống mưa úng làm ngập lúa, phòng nắng hạn cục bộ ở những chân ruộng cao. Phòng chống mưa bão làm đổ cây, gãy cành rụng quả cây có múi, gãy đổ cây chuối, đốn tia bớt cành cây bóng mát, cây xanh đô thị để hạn chế đổ gãy.

- Chuẩn bị giống, vật tư để trồng các loại rau màu vụ thu đông, đông sớm như ngô, cà chua, lạc, dưa chuột, su hào, cải bắp,...

- Thu hoạch nhãn chín sớm, cắt tia cành, làm vệ sinh chăm sóc cho vườn nhãn sau thu hoạch.

- Tổ chức diệt ốc bươu vàng khi làm đất và ngay sau khi cấy.

- Tổ chức chiến dịch diệt trừ chuột cuối tháng 7 khi lúa đứng cái, chuẩn bị làm đòng.

- Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, theo dõi và tổ chức phòng trừ kịp thời các đối tượng sâu bệnh hại. Chú ý phòng trừ ốc bươu vàng, sâu cuốn lá, bệnh khô vằn hại lúa; bọ xít, sâu đục cành, sâu đục cuống quả, nhện lông nhung hại nhãn, vải; rầy chổng cánh, ruồi đục quả, bệnh chảy gôm, bệnh

loét, sọ hại cây ăn quả có múi; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi, bệnh đốm lá hại chè; đốm lá, sâu đục nụ hại cây hoa hồng, hoa cúc.

### 2. CHĂN NUÔI THÚ Y

- Tăng cường kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng và tiếp tục các biện pháp chống nắng, nóng, chuẩn bị các phương án phòng chống bão, lũ lụt, phương án di dời bảo vệ đàn gia súc, gia cầm.

- Vệ sinh chuồng trại chăn nuôi, môi trường, chú ý đến vùng ngập úng và vùng phân lũ.

- Thực hiện các biện pháp an toàn sinh học trong chăn nuôi, tiêm phòng vắc xin bổ sung cho đàn vật nuôi.

### 3. THỦY SẢN

- Tập trung ương nuôi cá giống, cá thịt.

- Kết thúc thu hoạch cá thịt đợt 1 và nuôi cá thịt đợt 2.

- Xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng chống lụt bão.

- Tiếp tục phòng bệnh và xử lý môi trường nuôi cho cá. Đặc biệt tăng cường công tác phòng bệnh nhiễm khuẩn Streptococcus cho đàn cá rô phi, điêu hồng.

### 4. THỦY LỢI

Theo dõi thông báo diễn biến của các cơn bão, mực nước trên các sông liên quan đến khu

vực. Tổ chức kiểm tra chặt chẽ các tuyến đê, kè, cống, đập, hồ chứa nước để khắc phục kịp thời các sự cố, nắm vững tình hình các công trình thủy lợi trong khi mưa bão xảy ra. Đề phòng các trận bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ bất thường gây nên mưa úng diện rộng và úng ngập cục bộ. Chủ động các phương án ứng phó với bão, lụt, úng khi tình hình mưa bão kéo dài nhiều ngày liên tiếp làm sạt lở mái đê, kè hồ đập... Tăng

cường phổ biến rộng rãi các kiến thức về cách phát hiện và xử lý ban đầu các sự cố công trình cho nhân dân vùng trực tiếp có đê, kè, cống. Xây dựng phương án đảm bảo an toàn cho người và tài sản của nhà nước và nhân dân khi có mưa lớn gây úng ngập, lập kế hoạch chuẩn bị cụ thể về cây, con giống dự phòng để phục hồi sản xuất sau khi nước rút./.

**TTKN**

## **CHỦ ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết 76/NQ-CP về công tác phòng, chống thiên tai với mục tiêu nâng cao năng lực, chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm tổn thất về người và tài sản của nhân dân và nhà nước; tạo điều kiện phát triển bền vững, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và từng bước xây dựng cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 giảm 30% thiệt hại về người đối với các loại hình thiên tai có cường độ, quy mô tương đương đã xảy ra trong giai đoạn 2015 - 2020; 100% chính quyền các cấp, cơ quan, tổ chức và hộ gia đình trên cả nước được tiếp nhận đầy đủ thông tin về thiên tai; 100% lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai được đào tạo, tập huấn, phổ biến kỹ năng về phòng, chống thiên tai, đặc biệt là với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn.

Bên cạnh đó, nâng cao khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng, công trình phòng chống thiên tai, nhất là đê điều, hồ đập, khu neo đậu tránh trú bão, đảm bảo an toàn với tần suất thiết kế và thích ứng với các tác động mới của thiên tai; chủ động trong dự báo, cảnh báo, phòng, chống lũ quét, sạt lở đất tại những khu vực dân cư tập trung và trọng điểm về kinh tế xã hội; 100% các khu vực ngầm tràn thường xuyên bị ngập sâu được lắp đặt các thiết bị cảnh báo; 100% số hộ dân thuộc khu vực đông dân cư thường xuyên xảy ra thiên tai có nơi ở bảo đảm an toàn;...

Một trong các giải pháp tổng thể là về cơ sở hạ tầng, đầu tư, nâng cao năng lực, khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng, củng cố, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển, hồ chứa nước, khu neo

đậu tàu thuyền trú tránh bão; kịp thời sửa chữa, khắc phục sự cố đê điều, hồ đập, các công trình phòng chống thiên tai; nâng cao khả năng tiêu thoát nước, quản lý chặt chẽ, hạn chế việc san lấp ao, hồ, triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án chống ngập úng đô thị tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, dự án thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh,...

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm tiếp nhận, xử lý thông tin kịp thời, hỗ trợ ra quyết định phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, trước hết là trung tâm chỉ đạo, điều hành cấp quốc gia, cấp tỉnh, từng bước hiện đại hóa tương đương với các nước tiên tiến trong khu vực.

Đầu tư hiện đại hoá, tự động hóa hệ thống quan trắc, cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai; đẩy mạnh xã hội hoá một số hoạt động khí tượng thủy văn, xây dựng hệ thống quan trắc chuyên dùng phòng, chống thiên tai.

Ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ trong quan trắc theo dõi, giám sát, chỉ đạo điều hành, ứng phó thiên tai. Tập trung ứng dụng công nghệ viễn thám, tin học, tự động hoá, trực tuyến trong quan trắc, giám sát, quản lý, khai thác, dự báo, truyền cơ sở dữ liệu và vận hành ứng phó theo thời gian thực; ứng dụng vật liệu mới, giải pháp mới trong phòng, chống thiên tai.

Nghị quyết cũng nêu cụ thể một số giải pháp trọng tâm đối với các vùng miền. Theo đó, với vùng miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ, xác định khu vực nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, lũ quét để triển khai đồng bộ các giải pháp công trình, phi



công trình, tổ chức thông tin cảnh báo, dự báo, điều chỉnh sản xuất nhằm hạn chế thiệt hại về người, đảm bảo sinh kế bền vững phù hợp với tập quán từng khu vực.

Với vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, đảm bảo an toàn đê điều, quản lý chặt chẽ quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch đê điều, quy hoạch sử dụng đất nhất là sử dụng đất bãi sông để bảo vệ không gian thoát lũ. Nâng cao mức bảo đảm an toàn chống lũ cho hệ thống đê sông, hồ chứa nước xung yếu.

Còn với vùng duyên hải miền Bắc, miền Trung, tập trung nâng cao năng lực ứng phó lũ lớn, bão mạnh và siêu bão; xây dựng kế hoạch quản lý lũ tổng hợp cho lưu vực sông; xử lý công trình hạ tầng (vật kiến trúc, đường giao thông) gây cản trở thoát lũ, tăng ngập lụt.

Vùng Tây Nguyên xây dựng công trình cấp nước, trữ nước để đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt. Tăng cường giám sát, dự báo nguồn nước; tổ chức vận hành hiệu quả các hệ thống thủy lợi để trữ nước ngọt; đẩy mạnh sử dụng các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho lúa và cây trồng cạn.

Vùng đồng bằng sông Cửu Long tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chính phủ cũng giao một số nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, cơ quan trung ương, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong công tác phòng, chống thiên tai./.

**TX (Theo Chinhphu.vn)**

## **TIÊU CHÍ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG TRỒNG TRỌT**

Theo Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 8/7/2015 của HĐND Thành phố Hà Nội về một số chính sách thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 - 2020, tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt như sau:

### **1. Cơ sở sản xuất giống cây trồng ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các điều kiện sau:**

- Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/03/2004; Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

- Ứng dụng công nghệ sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô; sản xuất giống trong nhà màng, nhà kính có hệ thống kiểm soát và điều tiết nhiệt độ, ẩm độ, ánh sáng; ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa hoặc bán tự động trong chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, bảo vệ môi trường.

- Sản xuất quy mô công nghiệp; chất lượng đạt quy chuẩn kỹ thuật đối với từng loại giống cây trồng theo quy định của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

### **2. Vùng sản xuất rau, hoa, quả, chè ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các điều kiện sau:**

- Thuộc vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung của Thành phố.

- Có quy mô sản xuất từ 20 ha trở lên đối với hoa; 30 ha trở lên đối với cây rau, cây chè và cây ăn quả, trong đó có 70% các diện tích sản xuất trong vùng trở lên được các hộ đăng ký đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Các hộ sản xuất trong vùng được tổ chức thành hợp tác xã, doanh nghiệp hoặc có hợp đồng hợp tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ổn định với doanh nghiệp.

- Có hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường.

### **3. Trang trại, hộ gia đình sản xuất rau, hoa, quả, chè ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các điều kiện sau:**

- Trang trại, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trong vùng nông nghiệp chuyên canh tập trung của Thành phố. Trang trại phải đạt tiêu chí theo quy định tại khoản 1, điều 5 thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

- Có tối thiểu 01 người làm việc trực tiếp trong một cơ sở (hộ, trang trại) sản xuất có trình độ chuyên môn kỹ thuật sản xuất trồng trọt từ trung cấp trở lên hoặc có chứng chỉ đào tạo nghề

sản xuất trồng trọt ứng dụng công nghệ cao.

- Thực hiện đồng bộ quy trình công nghệ, kỹ thuật sản xuất như sau: Sử dụng giống có năng suất, giá trị gia tăng cao, đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Nông nghiệp & PTNT, giống nhập khẩu được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Canh tác rau, hoa cao cấp trong nhà màng, nhà lưới, nhà kính. Sử dụng các loại phân bón có nguồn gốc xuất xứ, đúng liều lượng, đảm bảo chất lượng, đúng quy trình kỹ thuật, sử dụng các loại phân bón sinh học, phân hữu cơ, các chế phẩm sinh

học an toàn trong quá trình canh tác. Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm kết hợp với cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng (tưới thấm, tưới nhỏ giọt, tưới phun), hệ thống tưới tự động hoặc bán tự động bằng nguồn nước đảm bảo chất lượng theo quy định. Sử dụng thuốc BVTV trong danh mục được phép sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ, đúng liều lượng, đúng quy trình kỹ thuật; sử dụng các loại thuốc BVTV sinh học, thảo mộc trong phòng, trừ dịch bệnh./.

**NT (TH)**

## **THỊ XÃ SƠN TÂY: GẦN 883 TỶ ĐỒNG ĐẦU TƯ CHO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

UBND thị xã Sơn Tây vừa rà soát cơ chế, chính sách về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã theo Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND, ngày 21/4/2018 của HĐND TP Hà Nội.

Triển khai Nghị quyết của HĐND thành phố, thị xã Sơn Tây đã huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc với tinh thần quyết liệt. Kết quả, toàn thị xã có 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 83,3%). Đáng chú ý, từ 2011 đến nay, thị xã xây dựng mới, nâng cấp cải tạo hơn 20 km đường trục xã, liên xã, hơn 14,3 km đường trục thôn, liên thôn, hơn 66,6 km đường ngõ xóm và gần 26,3 km đường trục chính nội đồng với tổng kinh phí hơn 242,4 tỷ đồng. Trong lĩnh vực nông nghiệp, thị xã đã cải tạo, nâng cấp 10 trạm bơm, kiên cố hóa gần 28,7 km kênh cấp 3 với tổng kinh phí gần 72,6 tỷ đồng.

Thị xã Sơn Tây cũng đã đầu tư mới, nâng cấp hơn 88,3 km đường dây trung thế, gần 139,6 km đường dây hạ thế, 31 trạm biến áp với tổng kinh phí hơn 158,4 tỷ đồng đảm bảo yêu cầu vận hành sử dụng phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Đối với 6 xã xây dựng nông thôn mới của thị xã hiện có 12/18 trường đạt chuẩn quốc gia (đạt 66,7%). Riêng năm 2017 có thêm 4 trường đạt chuẩn quốc gia. Thị xã đã xây dựng mới, nâng cấp cải tạo thêm 19 trường với tổng kinh phí hơn 455 tỷ đồng.

Về cơ sở vật chất văn hóa, thị xã đã nâng cấp cải tạo 1 trung tâm văn hóa xã với kinh phí 6 tỷ đồng; nâng cấp, cải tạo 41 nhà văn hóa, khu thể thao thôn với tổng kinh phí gần 26,6 tỷ đồng. Hoàn thành đưa vào sử dụng Nhà văn hóa trung tâm xã Sơn Đông và nhà văn hóa thôn Thiên Mã, Z155. Còn hạ tầng thương mại nông thôn đã xây dựng mới, nâng cấp cải tạo chợ xã Sơn Đông và Đường Lâm với tổng kinh phí gần 16,5 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, thị xã tập trung cho nhiệm vụ tổ chức lại sản xuất để phát triển kinh tế nông thôn, giải quyết tình trạng lao động thiếu việc làm, từng bước nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn. Hiện thu nhập bình quân đầu người 6 xã đạt 35,8 triệu đồng/người/năm; đến nay số hộ nghèo giảm từ 659 hộ (chiếm 3,82%) năm 2016 xuống còn 474 hộ (chiếm 2,75%) năm 2017; tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt 97%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 42,63%...

Qua rà soát, tổng kinh phí đầu tư cho xây dựng nông thôn mới của thị xã là gần 883 tỷ đồng. Trong đó: Ngân sách thành phố hỗ trợ hơn 138,4 tỷ đồng; ngân sách thị xã hơn 207,7 tỷ đồng; ngân sách xã hơn 10,9 tỷ đồng; vốn lồng ghép hơn 363,5 tỷ đồng; huy động ngoài ngân sách gần 162,2 tỷ đồng./.

**TX (Theo Cổng GTĐT Hà Nội)**

## **ĐỊA CHỈ XANH**

### **LỰA CHỌN AN TOÀN CHO SỨC KHỎE: THỊT LỢN HỮU CƠ VIFRESH**

Thịt lợn Vifresh là thịt của lợn được nuôi dưỡng và chăm sóc trong môi trường hoàn toàn tự nhiên, cho ăn bằng những thức ăn tự nhiên như cám ngô, cám gạo, rau, củ... mà không sử dụng

bất kỳ loại hooc-môn tăng trưởng, tăng trọng, chất tạo nạc, hay các sản phẩm biến đổi gen nào khác.

Có thể nhận thấy sự khác biệt giữa thịt lợn hữu cơ và thịt lợn sạch là: Thịt lợn hữu cơ bắt buộc

là thịt từ những con lợn được nuôi trong điều kiện thức ăn tiêu chuẩn, hoàn toàn tự nhiên và hữu cơ. Trong khi đó, thịt lợn sạch không bắt buộc là sản phẩm được nuôi lớn trong điều kiện hữu cơ. Mà có thể cho ăn bằng nhiều nguồn thức ăn khác.

Có thể nói, thịt lợn chuẩn hữu cơ bao gồm cả thịt sạch và là mức tiêu chuẩn cao nhất đối với sản phẩm từ thịt. Thịt lợn chuẩn hữu cơ Vifresh có vị ngon, chắc thịt, thơm thịt, hơn bất kì loại thịt nào khác, hàm lượng dinh dưỡng cao. Giàu protein và các nguyên tố vi lượng: Vitamin và khoáng chất..., đảm bảo mọi tiêu chuẩn về thịt sạch và vệ sinh an toàn thực phẩm. Công ty cổ phần Thực phẩm Vifresh được vận hành theo mô hình chuỗi giá trị "Từ nông trại tới bàn ăn". Chuỗi giá trị đó gồm 4 mắt xích quan trọng "Nông trại sạch - thức ăn sạch - quản lý và chăm sóc - kiểm soát giết mổ và phân phối sạch".

Trang trại chăn nuôi lợn của công ty theo quy trình khép kín tự trộn thức ăn, kiểm soát toàn bộ quy trình từ A đến Z, có chứng chỉ an toàn dịch bệnh do Cục thú y cấp. Quá trình chăn nuôi không sử dụng chất tạo nạc, không hooc-môn tăng trưởng, không bơm nước, không tiền mê hoặc các hóa chất độc hại khác. Được sử dụng nguồn thức ăn sạch với những nguyên liệu hoàn toàn hữu cơ như: ngô, cám gạo, khô đậu tương... không sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc động vật và không

sử dụng bất kỳ chế phẩm công nghiệp nào. Thức ăn được sản xuất trong chăn nuôi lợn đảm bảo 100% không chất tăng trọng, không chất kháng sinh, giúp lợn tăng trưởng tự nhiên và đảm bảo an toàn sinh học.

Bên cạnh đó, lợn được chăn nuôi tại hệ thống các trang trại đạt tiêu chuẩn quốc tế. Hệ thống chuồng nuôi là chuồng kín, được kiểm soát về nhiệt độ, độ ẩm và ánh sáng. Hệ thống cho ăn và cấp nước uống được áp dụng công nghệ tự động, an toàn sinh học. Tất cả lợn tại trang trại đều không dùng kháng sinh, hóa chất độc hại, phòng và trị bệnh bằng Probiotic và thảo dược. Lợn chăn nuôi tại đây được giết mổ trên dây chuyền hiện đại và đảm bảo theo tiêu chuẩn sức quyền của liên minh Châu Âu. Sau khi pha lọc, thịt lợn được bảo quản mát và được vận chuyển đến điểm bán bằng xe lạnh, luôn được cửa hàng bảo quản đúng nhiệt độ để không bị nhiễm vi sinh, đảm bảo sản phẩm sạch và an toàn đến tận tay khách hàng.

Khách hàng, doanh nghiệp có nhu cầu liên kết, tiêu thụ sản phẩm vui lòng liên hệ theo địa chỉ:

Công ty cổ phần Thực phẩm Vifresh

Địa chỉ: 8B ngõ 470 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Hotline: 0935.649.699

**Thanh Huyền**

## CHUYÊN GIA GIẢI ĐÁP

### TS. CAO VĂN CHÍ - PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÂY CÓ MÚI

**Câu hỏi: Gia đình tôi có vườn bưởi hàng năm cho quả rất sai. Nhưng cứ đến tháng 7, quả chuẩn bị được ăn lại có hiện tượng quả bị vàng hết. Xin chuyên gia cho biết cách khắc phục?**

**Trả lời:**

**Nguyên nhân:**

Sau những đợt mưa kéo dài, trong vườn đọng nước dẫn đến bộ rễ tơ của cây bưởi bị nghẹn rễ, ẩm độ cao tạo điều kiện cho nấm bệnh phát triển như bệnh chảy gôm (Phytophthora sp), bệnh đốm đen quả (Citrus Black Spot), bệnh đốm lõi quả (Alternaria alternata) gây hại làm cho quả có hiện tượng vàng và chín sớm, dẫn đến hiện tượng rụng quả hàng loạt đặc biệt khi cây bị ngập nước.

**Cách khắc phục:**

- Cần thoát nước tốt sau các trận mưa.
- Thu gom tất cả quả rụng cho xuống hố và rắc ủ phân hữu cơ TRICHO vi sinh vật của Công ty TNHH Điền Trang theo đúng liều lượng hướng dẫn. Sau đó phủ kín bằng nilon hạn chế sự lây lan của nấm bệnh.
- Xới xáo nhẹ 5 - 10 cm vùng đất bốn xung quanh tán cây bưởi.
- Phun Antracol 70 WG đều lên tán cây hoặc tưới gốc thuốc trừ nấm bệnh Aliette 800WG hoặc Ridomil Gold 68 WG theo khuyến cáo của nhà sản xuất 2 lần, mỗi lần cách nhau 5 - 7 ngày vào đất toàn vườn đặc biệt là vùng gốc cây bưởi.
- Tưới phân kích rễ theo khuyến cáo của nhà sản xuất, tưới 1 lần/tuần, tưới theo hình tán cây bưởi để bộ rễ mới phát triển (có thể sử dụng phân bón TrimixDT Super Roots hoặc Trimix DT02

của Công ty Điền Trang, Bioking, đạm cá).

- Sau đó tưới đủ ẩm thường xuyên trong những ngày nắng, khô hạn và bón bổ sung phân bón NPK tổng hợp hàng tháng để khắc phục được hiện tượng nêu trên.

## GIỜNG SẢN XUẤT ĐIỂN HÌNH HIỆU QUẢ MÔ HÌNH GIỐNG LÚA BẮC HƯƠNG 9 TẠI HUYỆN THANH OAI



Thanh Oai là một huyện thuần nông nằm ở phía nam thành phố Hà Nội có diện tích đất nông nghiệp trên 7.000 ha, trong đó diện tích cây lúa chiếm khoảng 80%. Vụ xuân 2018, được sự hỗ trợ, chỉ đạo của Trung tâm Khuyến nông Hà Nội, Trạm Khuyến nông Thanh Oai triển khai mô hình “Xây dựng cánh đồng lúa cấy 1 giống gắn với tiêu thụ sản phẩm” tại HTX Nông nghiệp Liên Châu (giống lúa Bắc Hương 9, diện tích 20 ha). Giống lúa đối chứng là Bắc thơm số 7.

Mục đích của mô hình là đưa các giống lúa mới năng suất chất lượng vào sản xuất, từ đó đánh giá kết quả để bổ sung vào cơ cấu giống lúa của thành phố thay thế dần các giống lúa cũ có năng suất chất lượng thấp hơn góp phần nâng cao thu nhập cho người sản xuất.

Bắc Hương 9 là giống lúa thuần đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận giống quốc gia theo Quyết định số 4685/QĐ-BNN-TT ngày 16/11/2017, có thời gian sinh trưởng là 130 ngày. Thời tiết vụ Xuân 2018 diễn biến tương đối phức tạp, trời rét và mưa bão sớm nên ảnh hưởng ít nhiều đến cây lúa. Trạm khuyến nông huyện Thanh Oai đã viết thông báo hướng dẫn chăm sóc lúa từ đầu vụ gửi đến các hộ tham gia mô hình để bà con nông dân có phương hướng chăm sóc cụ thể đảm bảo sự sinh trưởng phát triển của mạ và lúa sau khi cấy. Trong quá trình thử nghiệm giống

Chú ý: Sử dụng nấm đối kháng Trichoderma ủ với phân hữu cơ và tăng cường bón phân hữu cơ hàng năm để làm giàu hệ thống vi sinh vật đất, đặc biệt các vi sinh vật đối kháng./.

Bắc Hương 9, Trạm Khuyến nông, cán bộ kỹ thuật cùng lực lượng khuyến nông viên các xã trên địa bàn huyện trực tiếp giám sát, theo dõi kỹ càng.

Sau thời gian triển khai kết quả thu được như sau: Giống Bắc Hương 9 là giống lúa mới chất lượng lần đầu được đưa vào Thanh Oai, có bộ lá nhỏ, khả năng đẻ nhánh khỏe, trổ tập trung và đều, tuy nhiên bị nhiễm khô vằn nhẹ.

Bắc thơm số 7 là giống lúa thuần chất lượng được sử dụng lâu đời trên đồng đất Thanh Oai. Nhìn chung lúa đẻ nhánh kém hơn và nhiễm sâu bệnh hại nhiều, hiệu quả kinh tế không cao.

Về hiệu quả kinh tế: Bắc Hương 9 cho năng suất cao hơn Bắc thơm số 7 là 10,4 tạ/ha. Với mức giá lúa trung bình là 8.000 đ/kg. sau khi đối thu trừ chi giống Bắc Hương 9 cho lãi 32.640.000đ/ha (1.168.000đ/sào) và giống Bắc thơm số 7 cho lãi 25.270.000 đ/ha (909.720 đ/sào). Như vậy hiệu quả kinh tế của Bắc Hương 9 cao hơn giống đối chứng Bắc thơm số 7.

Bên cạnh đó, Bắc Hương 9 là giống chịu thâm canh, khả năng thích ứng rộng, khả năng chống chịu sâu bệnh tốt vì vậy hạn chế sử dụng thuốc BVTV tạo ra sản phẩm an toàn và bảo vệ môi trường.

Ông Nguyễn Thành Biên, Giám đốc HTX Nông nghiệp Liên Châu chia sẻ: “Qua cây khảo nghiệm giống lúa Bắc Hương 9, chúng tôi đánh giá, Bắc Hương 9 là giống lúa đẻ nhánh khỏe, bộ lá đẹp, cho năng suất cao, khoảng 270 kg/sào, chất lượng gạo ngon, được nhân dân toàn xã hưởng ứng. Trong vụ Mùa 2018, HTX Nông nghiệp Liên Châu tiếp tục cây khảo nghiệm giống Bắc Hương 9 để tiến tới nhân rộng trên đồng đất Liên Châu”.

Với những kết quả đã đạt được, mô hình đã được các cấp lãnh đạo và bà con nông dân đánh giá cao, có khả năng nhân rộng. UBND huyện Thanh Oai đã quyết định hỗ trợ để mở rộng diện tích giống lúa Bắc Hương 9 trên địa bàn huyện ngay trong vụ Mùa này./.

**Nguyễn Thúy**

**Đối với mặt hàng lương thực:** Giá bán lẻ các mặt hàng gạo trên thị trường Hà Nội hiện nay như sau: Giá gạo Xi dẻo dao động từ 12.500 - 13.500 đ/kg, gạo Bắc thơm số 7 có giá phổ biến từ 15.000 - 16.000 đ/kg, gạo Điện Biên, Hải Hậu dao động từ 17.000 - 18.000 đ/kg, gạo nếp cái hoa vàng ổn định ở mức từ 25.000 - 27.000 đ/kg; Đối với mặt hàng đậu đỗ các loại giá bán cũng duy trì ổn định: Đậu xanh có vỏ giá từ 45.000 - 48.000 đ/kg, đậu đen: 50.000 - 55.000 đ/kg, lạc nhân vẫn phổ biến từ 48.000 - 50.000 đ/kg.

**Đối với các mặt hàng thực phẩm:** So với tuần trước, thời điểm này giá lợn hơi tại các trang trại có chiều hướng tăng nhẹ trở lại dao động ở mức từ 48.000 - 50.000 đ/kg. Giá bán lẻ mặt hàng thịt lợn tại các chợ như sau: Thịt mỡ sấn: 80.000 - 90.000 đ/kg; thịt ba chỉ: 90.000 - 100.000 đ/kg, xương sườn: 120.000 - 130.000 đ/kg, thịt bò giá dao động từ 240.000 - 270.000 đ/kg; gà ta hơi: 110.000 - 130.000 đ/kg. Đối với các mặt hàng thủy hải sản có giá như sau: Cá trắm: 65.000 - 75.000 đ/kg, cá rô phi: 45.000 - 50.000 đ/kg,

ngao: 20.000 - 22.000 đ/kg, cua đồng dao động: 150.000 - 180.000 đ/kg,...

Đối với các mặt hàng rau, củ, quả: Với nguồn cung dồi dào nên giá bán các mặt hàng rau xanh trên thị trường giữ ổn định. Rau muống, mùng tơi giá từ 3.000 đ/mớ, mướp hương giá giảm còn 5.000 - 8.000 đ/kg, rau ngót dao động từ 3.000 - 4.000 đ/mớ, rau cải ngọt: 15.000 - 16.000 đ/kg, dưa chuột: 10.000 - 15.000 đ/kg, cà chua giá bán từ 15.000 - 20.000 đ/kg. Đối với một số mặt hàng trái cây có giá như sau: Dưa hấu: 14.000 - 18.000 đ/kg, mận hậu: 35.000 - 40.000 đ/kg, vải thiều: 13.000 - 16.000 đ/kg, chôm chôm, xoài Thái: 35.000 - 40.000 đ/kg,...

**Về vật tư nông nghiệp:** Hiện nay, nhiều địa phương đã tiến hành gieo cấy lúa mùa, nhu cầu sử dụng phân bón cho chăm sóc cây trồng đã tăng song giá bán lẻ mặt hàng này tại một số đại lý giữ ổn định như sau: Đạm urê ngoại giá phổ biến từ 10.000 - 11.000 đ/kg, NPK Văn Điển 5.10.3 giá bán 4.500 - 5.000 đ/kg, Kali giá 11.000 - 11.500 đ/kg./.

**NB (TH)**

## \* Thị trường thế giới

### VIỆT NAM XUẤT KHẨU LỢN THỊT LỢN ĐẦU TIÊN SANG MYANMAR

Chiều 25/6, Tập đoàn Mavin cùng Tập đoàn Sojitz Nhật Bản đã tổ chức "Lễ công bố xuất khẩu thịt lợn thành công và ký kết hợp tác chiến lược với Tập đoàn Sojitz - Nhật Bản".

Với sự hỗ trợ rất lớn của Bộ Nông nghiệp & PTNT, vượt qua nhiều rào cản về kỹ thuật và thú y của quốc gia nhập khẩu, Tập đoàn Mavin là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam chính thức xuất khẩu thành công thịt lợn ra nước ngoài.

Trước đó chưa có doanh nghiệp nào chinh phục được các rào cản về tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng của quốc gia nhập khẩu để xuất khẩu thịt lợn.

Đây là một kênh quan trọng để đưa các sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam đến thị trường thế giới.

Trong năm ngoái, Việt Nam đã xuất khẩu lô hàng thịt gà đầu tiên sang Nhật Bản. Đến nay, cơ quan thú y Nhật Bản đã đồng ý cho phép đơn vị xuất khẩu thịt gà của Việt Nam mở rộng sản xuất

và tăng cường xuất khẩu sang thị trường này.

Đối với ngành thịt lợn, Việt Nam đang xuất khẩu lợn sữa sang Hong Kong, Malaysia và các thị trường khác. Còn riêng sản phẩm thịt lợn tươi/cấp đông xuất khẩu sang thị trường quốc tế, đây là đơn hàng đầu tiên tập đoàn Mavin làm được.

Mavin là liên doanh giữa Australia và Việt Nam, đã có 15 năm hoạt động tại Việt Nam. Đây là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam, sở hữu trọn vẹn chuỗi giá trị "Từ nông trại tới bàn ăn" và là công ty duy nhất tại Việt Nam khép kín hoạt động trong các lĩnh vực: Thức ăn chăn nuôi, con giống và hoạt động chăn nuôi, dục thú y, thực phẩm.

Phối hợp cùng Tập đoàn Mavin để xuất khẩu thịt lợn ra thế giới là Công ty Sojitz Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Sojitz - Nhật Bản, một tập đoàn hàng đầu của Nhật Bản hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm thương mại và sản xuất tại nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam./.

**NT (Theo TTXVN)**

# GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

## GIÁ CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN - VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MỐI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 28 tháng 06 năm 2018

(ĐVT: đ/kg)

| tt | Mặt hàng và quy cách | Loại   | Chợ Yên-Mê-Linh | Chợ Hà-Đông | Chợ Nghệ-Sơn-Tây | Chợ Vân-Đình-Ứng-Hoà | Chợ Phùng-Đan-Phượng | Chợ Vô-i-Thường-Tín | Chợ Cầu-Điễn-Từ-Liêm | Chợ Ngọc-Lâm-Long-Biên | Chợ Tô-Đông-Anh | Chợ Tả-Thanh-Oai-Thanh-Trì |
|----|----------------------|--------|-----------------|-------------|------------------|----------------------|----------------------|---------------------|----------------------|------------------------|-----------------|----------------------------|
| 1  | Lúa Khang Dân        | loại 1 | 6.500           | 7.000       | 6.000            | 6.600                | 8.500                |                     | 8.000                |                        | 7.000           | 7.000                      |
| 2  | Gạo Khang Dân        | loại 1 | 11.000          | 11.000      | 10.000           | 11.500               | 11.500               | 10.000              | 12.500               | 13.000                 | 11.000          | 11.000                     |
| 3  | Gạo bắc thơm         | loại 1 | 14.000          | 16.000      | 14.500           | 15.000               | 15.000               | 14.000              | 16.000               | 15.000                 | 15.000          | 16.000                     |
| 4  | Gạo Xi dẻo           | loại 1 | 12.000          | 13.000      | 12.000           | 12.000               | 15.000               | 13.000              | 13.500               | 12.500                 | 12.500          | 13.000                     |
| 5  | Gạo Điện Biên        | loại 1 | 15.000          | 16.000      | 16.500           | 15.500               | 18.000               | 15.000              | 16.500               | 18.000                 | 17.000          | 17.000                     |
| 6  | Gạo Hải Hậu          | loại 1 | 18.000          | 18.000      | 16.000           | 15.500               | 18.000               | 15.000              | 17.000               |                        | 16.000          | 16.000                     |
| 7  | Gạo tám Thái         | loại 1 | 20.000          | 16.500      | 18.000           | 16.000               | 22.000               | 18.000              | 28.000               | 17.500                 | 19.000          | 18.000                     |
| 8  | Gạo nếp cái hoa vàng | loại 1 | 25.000          | 27.000      | 24.000           | 25.000               | 27.000               | 26.000              | 30.000               | 28.000                 | 30.000          | 26.000                     |
| 9  | Gạo nếp cẩm          | loại 1 | 38.000          | 30.000      | 25.000           | 30.000               | 30.000               | 36.000              | 32.000               | 32.000                 | 32.000          | 30.000                     |
| 10 | Đậu tương            | loại 1 | 25.000          | 23.000      | 20.000           | 21.000               | 20.000               | 20.000              | 28.000               | 21.000                 | 20.000          | 24.000                     |
| 11 | Đậu xanh có vỏ       | loại 1 | 30.000          | 43.000      | 45.000           | 40.000               | 40.000               | 30.000              | 50.000               |                        | 40.000          | 40.000                     |
| 12 | Lạc nhân             | loại 1 | 40.000          | 50.000      | 50.000           | 50.000               | 40.000               | 53.000              | 50.000               | 50.000                 | 45.000          | 50.000                     |
| 13 | Đậu đen              | loại 1 | 42.000          | 52.000      | 45.000           | 40.000               | 50.000               | 45.000              | 50.000               | 55.000                 | 42.000          | 45.000                     |

# GIÁ CÁC MẶT HÀNG THỰC PHẨM TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MŨI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 28 tháng 06 năm 2018

(ĐVT: đ/kg)

| tt | Mặt hàng và quy cách     | Loại   | Chợ Yên-Mê-Linh | Chợ Hà-Đông | Chợ Nghệ-Sơn-Tây | Chợ Văn-Đình-Ứng-Hoà | Chợ Phùng-Đan-Phượng | Chợ Vôi-Thường-Tín | Chợ Cầu-Điễn-Từ-Liêm | Chợ Ngọc-Lâm-Long-Biên | Chợ Tố-Đông-Anh | Chợ Tả-Thanh-Oai-Thanh-Trì |
|----|--------------------------|--------|-----------------|-------------|------------------|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|------------------------|-----------------|----------------------------|
| 1  | Thịt lợn mỡ sấn          | loại 1 | 85.000          | 75.000      | 75.000           | 85.000               | 90.000               | 75.000             | 95.000               | 75.000                 | 80.000          | 80.000                     |
| 2  | Thịt lợn nạc thăn        | loại 1 | 100.000         | 90.000      | 90.000           | 100.000              | 100.000              | 92.000             | 100.000              | 85.000                 | 90.000          | 90.000                     |
| 3  | Thịt lợn ba chỉ          | loại 1 | 100.000         | 95.000      | 90.000           | 100.000              | 100.000              | 92.000             | 95.000               | 80.000                 | 95.000          | 90.000                     |
| 4  | Thịt bò thăn             | loại 1 | 270.000         | 250.000     | 250.000          | 250.000              | 250.000              | 230.000            | 280.000              | 260.000                | 230.000         | 250.000                    |
| 5  | Thịt bò mỡ               | loại 1 | 250.000         | 230.000     | 240.000          | 240.000              | 250.000              | 210.000            |                      | 250.000                | 230.000         | 220.000                    |
| 6  | Gà ta hơi                | loại 1 | 100.000         | 125.000     | 125.000          | 105.000              | 125.000              | 110.000            | 140.000              | 120.000                | 120.000         | 120.000                    |
| 7  | Gà ta nguyên con làm sấn | loại 1 |                 | 135.000     | 135.000          | 130.000              | 170.000              | 160.000            |                      | 150.000                | 135.000         | 140.000                    |
| 8  | Gà công nghiệp hơi       | loại 1 |                 | 47.000      | 42.000           | 45.000               | 42.000               | 38.000             | 60.000               | 65.000                 | 55.000          | 45.000                     |
| 9  | Gà CN nguyên con làm sấn | loại 1 | 38.000          | 60.000      | 60.000           | 67.000               | 70.000               | 60.000             | 80.000               | 70.000                 | 75.000          | 65.000                     |
| 10 | Vịt hơi                  | loại 1 | 55.000          | 55.000      | 50.000           | 53.000               | 55.000               | 50.000             | 65.000               | 55.000                 | 70.000          | 50.000                     |
| 11 | Vịt nguyên con làm sấn   | loại 1 | 70.000          | 75.000      | 65.000           | 72.000               | 85.000               | 70.000             | 85.000               | 70.000                 | 85.000          | 70.000                     |
| 12 | Ngan hơi                 | loại 1 | 55.000          | 65.000      | 60.000           | 60.000               | 70.000               | 65.000             | 70.000               | 65.000                 | 70.000          | 60.000                     |
| 13 | Ngan nguyên con làm sấn  | loại 1 | 70.000          | 80.000      | 75.000           | 80.000               | 100.000              | 85.000             | 90.000               | 80.000                 | 85.000          | 80.000                     |
| 14 | Cá chép > 1kg            | loại 1 | 65.000          | 55.000      | 55.000           | 60.000               | 70.000               | 63.000             | 65.000               | 60.000                 | 75.000          | 55.000                     |
| 15 | Cá trắm > 2kg            | loại 1 | 70.000          | 60.000      | 50.000           | 60.000               | 70.000               | 63.000             | 75.000               | 90.000                 | 75.000          | 60.000                     |
| 16 | Cá quả                   | loại 1 | 90.000          | 130.000     |                  | 130.000              | 130.000              | 100.000            | 120.000              | 100.000                | 100.000         | 100.000                    |
| 17 | Ngao                     | loại 1 | 20.000          | 15.000      | 18.000           | 15.000               | 18.000               | 16.000             | 22.000               | 17.000                 | 20.000          | 20.000                     |
| 18 | Tôm sú                   | loại 1 |                 | 480.000     | 400.000          | 370.000              | 600.000              | 380.000            |                      | 350.000                | 350.000         | 420.000                    |
| 19 | Cua đồng                 | loại 1 | 130.000         | 160.000     | 130.000          |                      | 150.000              | 150.000            | 150.000              | 150.000                | 120.000         | 170.000                    |

# GIÁ CÁC MẶT HÀNG HOA, RAU, CÚ, QUẢ TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MŨI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 28 tháng 06 năm 2018

(ĐVT: đ/kg)

| tt | Mặt hàng và quy cách | Loại   | Chợ Yên-Mê-Linh | Chợ Hà-Đông | Chợ Nghệ-Sơn-Tây | Chợ Vân-Đình-Ứng-Hoà | Chợ Phùng-Đan-Phượng | Chợ Hà-Vĩ-Thường-Tín | Chợ Cầu-Điền-Từ-Liêm | Chợ Ngọc-Lâm-Lông-Biên | Chợ Tô-Đông-Anh | Chợ Tạ-Thanh-Oai-Thanh-Tri |
|----|----------------------|--------|-----------------|-------------|------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------------------|-----------------|----------------------------|
| 1  | Cam sành             | loại 1 | 30.000          | 50.000      |                  | 40.000               | 40.000               | 33.000               | 60.000               | 40.000                 | 40.000          | 40.000                     |
| 2  | Dưa hấu Miền Nam     | loại 1 | 10.000          | 14.000      | 12.000           | 8.000                | 14.000               | 15.000               |                      | 10.000                 | 10.000          | 15.000                     |
| 3  | Vải thiều            | loại 1 | 10.000          | 15.000      | 10.000           | 12.000               | 13.000               | 10.000               | 12.000               | 15.000                 | 15.000          | 15.000                     |
| 4  | Xoài Thái            | loại 1 | 25.000          | 30.000      | 35.000           | 25.000               | 25.000               | 27.000               | 40.000               | 35.000                 | 35.000          | 30.000                     |
| 5  | Thanh long           | loại 1 | 20.000          | 35.000      |                  |                      | 35.000               | 27.000               |                      | 35.000                 | 25.000          | 35.000                     |
| 6  | Hồng xiêm            | loại 1 | 25.000          | 35.000      | 30.000           | 35.000               | 30.000               |                      |                      | 35.000                 | 30.000          | 30.000                     |
| 7  | Mận hậu              | loại 1 | 25.000          | 25.000      | 20.000           | 35.000               | 30.000               | 25.000               | 25.000               | 25.000                 | 20.000          | 20.000                     |
| 8  | Dứa (quả)            | loại 1 |                 | 8.000       | 7.000            | 7.000                | 10.000               | 9.000                | 10.000               | 8.000                  | 8.000           | 7.000                      |
| 9  | Dưa lê               | loại 1 | 20.000          | 12.000      | 25.000           | 12.000               | 12.000               | 12.000               | 20.000               | 15.000                 | 15.000          | 15.000                     |
| 10 | Chôm chôm            | loại 1 | 30.000          | 45.000      | 30.000           | 45.000               | 30.000               | 35.000               | 45.000               | 45.000                 | 35.000          | 40.000                     |
| 11 | Cà chua              | loại 1 | 12.000          | 20.000      | 20.000           | 15.000               | 12.000               |                      | 20.000               | 15.000                 | 14.000          | 17.000                     |
| 12 | Bí đao               | loại 1 | 8.000           | 7.000       |                  | 10.000               | 15.000               | 12.000               | 15.000               | 15.000                 | 8.000           | 10.000                     |
| 13 | Khoai tây            | loại 1 | 12.000          |             | 12.000           | 13.000               | 13.000               | 15.000               |                      | 13.000                 | 11.000          | 15.000                     |
| 14 | Bầu                  | loại 1 | 15.000          | 10.000      | 10.000           | 15.000               | 12.000               | 10.000               | 12.000               | 10.000                 | 8.000           | 8.000                      |
| 15 | Rau ngót             | loại 1 | 3.000           | 4.000       | 4.000            | 3.000                | 3.000                | 3.000                | 3.000                | 4.000                  | 3.000           | 4.000                      |
| 16 | Mướp hương           | loại 1 | 8.000           | 10.000      | 10.000           | 8.000                | 8.000                | 10.000               | 10.000               | 10.000                 | 7.000           | 10.000                     |
| 17 | Dưa chuột            | loại 1 | 10.000          | 12.000      | 10.000           | 10.000               | 12.000               | 8.000                | 15.000               | 10.000                 | 10.000          | 14.000                     |
| 18 | Rau mùng tơi (mớ)    | loại 1 | 3.000           | 3.000       | 3.000            | 4.000                | 3.000                | 2.000                | 3.000                | 4.000                  | 3.000           | 3.000                      |
| 19 | Rau muống (mớ)       | loại 1 | 3.000           | 4.000       | 4.000            | 3.000                | 3.000                | 2.000                | 3.000                | 4.000                  | 3.000           | 4.000                      |
| 20 | Hoa hồng đỏ (bông)   | loại 1 |                 | 5.000       | 5.000            | 5.000                | 5.000                | 3.000                | 7.000                | 5.000                  | 2.500           | 5.000                      |
| 21 | Hoa ly hồng (cành)   | loại 1 | 24.000          | 25.000      | 18.000           | 25.000               | 30.000               | 15.000               | 35.000               |                        |                 | 25.000                     |
| 22 | Hoa cúc vàng (bông)  | loại 1 | 3.500           | 4.000       | 3.000            | 4.000                | 6.000                | 2.000                | 7.000                | 5.000                  | 3.000           | 4.000                      |



# GIÁ CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN, THỰC PHẨM TẠI MỘT SỐ TỈNH MIỀN BẮC

Ngày 28 tháng 06 năm 2018

(ĐVT: đ/kg)

| stt | Mặt hàng và quy cách    | Loại   | Nam Định | Vĩnh Phúc | Hải Dương |
|-----|-------------------------|--------|----------|-----------|-----------|
| 1   | Thóc tẻ (KD, Q5)        | loại 1 | 6.500    | 7.500     | 7.000     |
| 2   | Gạo Xi dẻo              | loại 1 | 11.000   | 11.000    | 11.000    |
| 3   | Đậu tương               | loại 1 | 26.000   | 25.000    | 27.000    |
| 4   | Đậu xanh tách vỏ        | loại 1 | 50.000   | 45.000    | 45.000    |
| 5   | Lạc nhân                | loại 1 | 45.000   | 45.000    | 45.000    |
| 6   | Miến dong               | loại 1 | 75.000   | 75.000    | 75.000    |
| 7   | Thịt lợn hơi            | loại 1 | 45.000   | 45.000    | 45.000    |
| 8   | Thịt mông sẵn           | loại 1 | 85.000   | 85.000    | 85.000    |
| 9   | Gà Tam hoàng hơi        | loại 1 | 73.000   | 70.000    | 70.000    |
| 10  | Gà ta hơi               | loại 1 | 115.000  | 115.000   | 115.000   |
| 11  | Gà Ai cập hơi           | loại 1 | 85.000   | 85.000    | 85.000    |
| 12  | Vịt hơi                 | loại 1 | 55.000   | 55.000    | 50.000    |
| 13  | Thịt bò thăn            | loại 1 | 250.000  | 235.000   | 240.000   |
| 14  | Trứng gà ta (quả)       | loại 1 | 3.500    | 4.000     | 4.000     |
| 15  | Trứng chim cút (10 quả) | loại 1 | 7.500    | 7.000     | 7.000     |
| 16  | Tôm sú                  | loại 1 | 460.000  | 450.000   | 450.000   |
| 17  | Cá quả                  | loại 1 | 100.000  | 95.000    | 90.000    |

# GIÁ CÁC MẶT HÀNG RAU, CÚ, QUẢ TẠI MỘT SỐ TỈNH MIỀN BẮC

Ngày 28 tháng 06 năm 2018

(ĐVT: đ/kg)

| stt | Mặt hàng và quy cách | Loại   | Nam Định | Vĩnh Phúc | Hải Dương |
|-----|----------------------|--------|----------|-----------|-----------|
| 1   | Dưa hấu Miền Nam     | loại 1 | 9.000    | 8.000     | 8.000     |
| 2   | Dưa bở               | loại 1 | 12.000   | 10.000    | 10.000    |
| 3   | Xoài cát chu         | loại 1 | 33.000   | 35.000    | 35.000    |
| 4   | Đào                  | loại 1 | 30.000   | 26.000    | 27.000    |
| 5   | Chanh leo            | loại 1 | 35.000   | 35.000    | 35.000    |
| 6   | Cà rốt               | loại 1 | 12.000   | 12.000    | 13.000    |
| 7   | Hành tây             | loại 1 | 15.000   | 15.000    | 14.000    |
| 8   | Khoai tây            | loại 1 | 15.000   | 15.000    | 15.000    |
| 9   | Cà chua              | loại 1 | 15.000   | 13.000    | 14.000    |
| 10  | Rau mùng tơi (mớ)    | loại 1 | 3.000    | 3.000     | 3.000     |
| 11  | Chanh (quả tươi)     | loại 1 | 45.000   | 43.000    | 45.000    |
| 12  | Tỏi ta khô           | loại 1 | 50.000   | 50.000    | 50.000    |
| 13  | Đậu đũa              | loại 1 | 12.000   | 9.000     | 11.000    |
| 14  | Rau dền (mớ)         | loại 1 | 3.000    | 3.000     | 3.000     |
| 15  | Hành củ ta khô       | loại 1 | 65.000   | 60.000    | 60.000    |
| 16  | Mướp đắng            | loại 1 | 12.000   | 12.000    | 10.000    |

# DỰ BÁO

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| tt | Đơn vị,<br>người đại diện  | Địa chỉ   | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh  |
|----|--|---|--|
| 1  | Công ty TNHH xuất<br>nhập khẩu Kinoko<br>Thanh Cao<br>Đại diện:<br>Bà Dương Thị Thu Huệ                                    | Thôn Đốc Kính, xã Đốc<br>Tín, huyện Mỹ Đức,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0904.684.113   | Công ty là đơn vị đầu ngành trong việc nghiên cứu - phát triển các giống nấm Việt, áp dụng những công nghệ nuôi trồng nấm của Nhật Bản vào điều kiện nuôi trồng nấm của Việt Nam và góp phần phổ biến các kỹ thuật này cho nông dân trồng nấm ở Việt Nam. Sản phẩm nấm kim châm chiếm 95% tổng sản lượng của công ty. Ngoài ra còn có nấm sò, nấm linh chi, nấm đầu khỉ. Hiện tại giá bán nấm kim châm tại các siêu thị từ 17.500 - 18.500 đ/gói (loại 150g).  |
| 2  | Chuỗi sản xuất và<br>cung cấp thực phẩm<br>Tiên Viên<br>Đại diện:<br>Công ty cổ phần<br>Tiên Viên<br>ông Đặng Đình Tiên    | Xã Đại Yên, huyện<br>Chương Mỹ, Hà Nội<br>ĐT: 0962.991.968  | Công ty đã tổ chức liên kết với 12 trại chăn nuôi gà thông qua hình thức hợp đồng kinh tế đôi bên cùng có lợi, đóng vai trò là đại lý phân phối thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y để cung cấp cho các hộ chăn nuôi với giá ưu đãi, sau đó thu mua lại sản phẩm chăn nuôi của các hộ. Hiện nay, chuỗi sản xuất và cung cấp thực phẩm Tiên Viên đang tiêu thụ tại trên 100 cửa hàng, siêu thị và công ty chế biến thực phẩm với sản lượng trung bình 75 nghìn quả trứng/ngày và khoảng 100 kg thịt gà/ngày. |
| 3  | Chuỗi sản xuất và<br>cung cấp sữa Ba Vì<br>Đại diện:<br>Công ty cổ phần sữa<br>Quốc tế IDP và Công<br>ty cổ phần sữa Ba Vì | 1. Công ty cổ phần sữa<br>Quốc tế IDP<br>Địa chỉ: Xã Tản Lĩnh,<br>huyện Ba Vì, Hà Nội<br>ĐT: 0246.258.0218<br>0243.823.8132<br>2. Công ty cổ phần sữa<br>Ba Vì<br>Địa chỉ: Xã Tản Lĩnh,<br>huyện Ba Vì, Hà Nội<br>ĐT: 0914.419672 | Tác nhân tham gia chuỗi là Công ty cổ phần sữa Quốc tế IDP: Có 2.195 hộ chăn nuôi bò sữa và 26 trạm thu gom sữa ký hợp đồng tiêu thụ sữa ổn định cho công ty với lượng tiêu thụ sữa hàng ngày trên 70 tấn. Tác nhân tham gia chuỗi là Công ty cổ phần sữa Ba Vì: Có 274 hộ chăn nuôi bò sữa và 6 trạm thu gom sữa ký hợp đồng ổn định với Công ty cổ phần sữa Ba Vì với lượng sữa tiêu thụ hàng ngày trên 8 tấn.   |

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| tt | Đơn vị,<br>người đại diện   | Địa chỉ  | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh  |
|----|---|--|--|
| 1  | Hộ sản xuất rau hữu cơ ứng dụng công nghệ cao Cuối Quý<br>Đại diện:<br>Bà Đặng Thị Cuối | Thôn Đoài Khê, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, Hà Nội<br>ĐT: 0986.758.153 | Với diện tích khoảng 3 ha trồng nhiều loại rau như su hào ăn lá, cải mơ trắng, măng tây xanh, khoai tây, bắp cải, su hào... ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm, cho sản lượng ước tính 3 tạ rau/ngày, trung bình mỗi tháng cho thu nhập trên 100 triệu đồng. Cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất an toàn và sản phẩm có tem truy xuất nguồn gốc. |
| 2  | HTX Dịch vụ nông nghiệp Văn Quán<br>Đại diện:<br>Ông Nguyễn Văn Đỗ                      | Thôn Văn Quán, xã Văn Khê, huyện Mê Linh, Hà Nội<br>ĐT: 0978.465.095       | HTX sản xuất đa dạng chủng loại từ rau ăn lá, rau ăn củ đến các loại rau gia vị. Sản phẩm đã được cấp giấy chứng nhận sản xuất rau an toàn.  |
| 3  | HTX Dịch vụ thương mại Cát Tường<br>Đại diện:<br>Ông Nguyễn Văn Nhiêu                   | Thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, Hà Nội<br>ĐT: 0974.245.971  | HTX sản xuất đa dạng chủng loại từ rau ăn lá, rau ăn củ đến các loại rau gia vị. Sản phẩm đã được cấp giấy chứng nhận sản xuất rau an toàn.  |
| 4  | HTX Nông nghiệp Tiên Lê<br>Đại diện:<br>Ông Nguyễn Văn Hào                              | Xã Tiên Yên, huyện Hoài Đức, Hà Nội<br>ĐT: 0168.515.2557                   | HTX sản xuất các loại rau theo mùa đa dạng về chủng loại. Sản phẩm được cấp chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.   |

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| tt | Đơn vị,<br>người đại diện                                    | Địa chỉ   | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh   |
|----|--|---|---|
| 1  | Thực phẩm sạch<br>Topgreen<br>Đại diện:<br>Ông Hoàng Văn Đại | Số 53 Xuân La, quận<br>Tây Hồ, Hà Nội<br>ĐT: 0977.569089                              | Cửa hàng kinh doanh các loại nông sản thực phẩm, trái cây đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng.  |
| 2  | Thực phẩm sạch<br>Thóc Vàng<br>Đại diện:<br>Ông Mai Văn Hùng | 138 Bùi Xương Trạch,<br>quận Thanh Xuân,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0904.759.545                | Thóc Vàng chuyên cung cấp nông sản, thực phẩm, trái cây nhập khẩu và trong nước đảm bảo tươi ngon nhất, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được kiểm nghiệm nghiêm ngặt, giá cả phù hợp, dịch vụ trung thực và tận tâm. |
| 3  | Thực phẩm sạch<br>Greenlife<br>Đại diện:<br>Ông Đỗ Ngọc Trâm | Số 5, lô I4, KĐT Yên<br>Hòa, Trung Kính, quận<br>Cầu Giấy, Hà Nội<br>ĐT: 0988.023.261 | Cửa hàng kinh doanh các loại nông sản thực phẩm, trái cây đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng.  |
| 4  | Thực phẩm sạch<br>Lộc Lan<br>Đại diện:<br>Ông Trần Đình Sơn  | Số 435 Đội Cấn, quận<br>Ba Đình, Hà Nội<br>ĐT: 0948.646.686                           | Cửa hàng kinh doanh các loại nông sản thực phẩm, trái cây đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng.  |

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| tt | Đơn vị,<br>người đại diện   | Địa chỉ  | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh  |
|----|---|--|--|
| 1  | HTX Thương mại và<br>dịch vụ Long Thủy<br>Đại diện:<br>Ông Ngô Văn Thủy | Thôn Miếu Thờ, xã<br>Tiên Dược, huyện Sóc<br>Sơn, Hà Nội<br>ĐT: 0913.241.152 | Với diện tích trồng trên 01 ha mít thái<br>Changai F1, cho sản lượng 40 tấn quả/năm,<br>hiện tại HTX kinh doanh cây giống và quả tại<br>thị trường Thủ đô và các tỉnh, thành phố trên<br>cả nước.  |
| 2  | Cơ sở sản xuất rau<br>mầm Thanh Hà<br>Đại diện:<br>Bà Bùi Thị Thanh Hà  | Thôn Bằng, xã Ninh Sở,<br>huyện Thường Tín,<br>Hà Nội<br>ĐT: 0984.920.986    | Chuyên sản xuất và tiêu thụ các loại rau, củ,<br>quả quanh năm theo mùa: Rau mầm, rau xà<br>lách các loại, cải bó xôi.... Sản phẩm đã được<br>cấp chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn<br>VietGAP, mã số VietGAP-TT-15-03-01-0006<br>ngày 22/01/2016. Sản phẩm đảm bảo chất<br>lượng an toàn vệ sinh thực phẩm. Sản lượng<br>cung ứng ra thị trường đạt trên 200 tấn/năm. |
| 3  | Trang trại<br>chăn nuôi lợn<br>Đại diện:<br>Ông Trần Đình Lực           | Thôn 5, xã Trung Châu,<br>huyện Đan Phượng,<br>Hà Nội.<br>ĐT: 0982.518.386   | Trang trại chăn nuôi lợn thịt, lợn giống với số<br>lượng lớn đảm bảo chất lượng.   |
| 4  | Trang trại<br>chăn nuôi lợn<br>Đại diện:<br>Ông Trần Văn Lâm            | Xã Trung Châu, huyện<br>Đan Phượng, Hà Nội<br>ĐT: 0124.609.2310              | Trang trại chăn nuôi lợn thịt, lợn giống với số<br>lượng lớn đảm bảo chất lượng.   |

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| tt | Đơn vị,<br>người đại diện  | Địa chỉ   | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh  |
|----|--|---|--|
| 1  | Cơ sở sản xuất, kinh doanh gốm sứ<br>Đại diện:<br>Ông Nguyễn Văn Khánh | Kí ốt 102, chợ gốm Bát Tràng, huyện Gia Lâm, Hà Nội<br>ĐT: 0975.155.863 | Cơ sở chuyên sản xuất, kinh doanh gốm sứ các loại. Sản phẩm đảm bảo chất lượng bền, đẹp, mẫu mã phong phú, đa dạng chủng loại. |
| 2  | Cơ sở sản xuất, kinh doanh gốm sứ<br>Đại diện:<br>Ông Nguyễn Văn Hướng | Kí ốt 122, chợ gốm Bát Tràng, huyện Gia Lâm, Hà Nội<br>ĐT: 0984.947.857 | Cơ sở chuyên sản xuất, kinh doanh gốm sứ các loại. Sản phẩm đảm bảo chất lượng bền, đẹp, mẫu mã phong phú, đa dạng chủng loại. |
| 3  | Cơ sở sản xuất, kinh doanh gốm sứ<br>Đại diện:<br>Bà Nguyễn Thị Nga    | Kí ốt 116, chợ gốm Bát Tràng, huyện Gia Lâm, Hà Nội<br>ĐT: 0983.733.086 | Cơ sở chuyên sản xuất, kinh doanh gốm sứ các loại. Sản phẩm đảm bảo chất lượng bền, đẹp, mẫu mã phong phú, đa dạng chủng loại. |
| 4  | Cơ sở sản xuất kinh doanh gốm sứ<br>Đại diện:<br>Bà Hoàng Thị Thương   | Kí ốt 60, chợ gốm Bát Tràng, huyện Gia Lâm, Hà Nội<br>ĐT: 0968.568.498  | Cơ sở chuyên sản xuất, kinh doanh gốm sứ các loại. Sản phẩm đảm bảo chất lượng bền, đẹp, mẫu mã phong phú, đa dạng chủng loại. |

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH TẠI MỘT SỐ TỈNH PHÍA BẮC

| tt | Đơn vị,<br>người đại diện  | Địa chỉ   | Ngành nghề sản xuất, kinh doanh  |
|----|--|---|--|
| 1  | Hội sản xuất và tiêu thụ<br>gà đồi Yên Thế<br>Đại diện:<br>Ông Phạm Công Văn | Thị trấn Cầu Gồ, huyện<br>Yên Thế, tỉnh<br>Bắc Giang<br>ĐT: 0915.466062                         | HTX sản xuất và chăn nuôi gà đồi Yên Thế với sản phẩm thịt săn chắc, dai, béo mà không ngậy. Sản phẩm đã được cấp chứng nhận nhãn hiệu tập thể. Sản phẩm đảm bảo chất lượng. |
| 2  | HTX Bánh đa kể<br>Đại diện:<br>Ông Nguyễn Xuân Trường                        | Số 931, đường Lê Lợi,<br>phường Dĩnh Kế, TP<br>Bắc Giang,<br>tỉnh Bắc Giang<br>ĐT: 0978.002.416 | HTX chuyên sản xuất bánh đa kể đảm bảo chất lượng. Sản phẩm đã được cấp chứng nhận nhãn hiệu tập thể.  |
| 3  | HTX sản xuất na dai<br>Lục Nam<br>Đại diện:<br>Ông Bùi Văn Quang             | Thị trấn Đồi Ngô, huyện<br>Lục Nam, tỉnh<br>Bắc Giang<br>ĐT: 0977.560.257                       | HTX chuyên cung cấp na sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP. Quả to, mẫu mã đẹp, đảm bảo chất lượng. Sản phẩm đã được cấp chứng nhận nhãn hiệu tập thể.                          |
| 4  | HTX Dịch vụ Nông lâm xã<br>Trí Yên<br>Đại diện:<br>Ông Nguyễn Anh Tuấn       | Xã Trí Yên, huyện Yên<br>Dũng, tỉnh Bắc Giang<br>ĐT: 0982.071.927                               | HTX chuyên cung cấp tương La. Sản phẩm đảm bảo chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Sản phẩm đã được cấp chứng nhận nhãn hiệu tập thể.                             |